

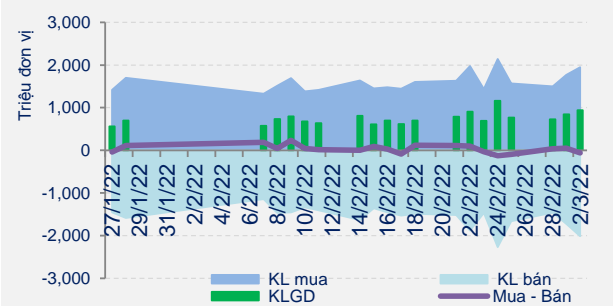
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 2/3/2022

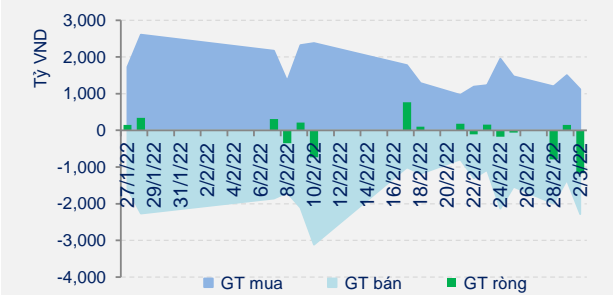
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,485.52	442.25
% Thay đổi	↓ -0.88%	↓ -0.30%
KLGD (CP)	941,592,430	109,861,211
GTGD (tỷ đồng)	30,326.44	3,498.67
Tổng cung (CP)	2,009,637,000	163,536,800
Tổng cầu (CP)	1,950,479,600	145,612,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	55,374,600	890,600
KL mua (CP)	28,704,700	770,312
GT mua (tỷ đồng)	1,116.50	35.24
GT bán (tỷ đồng)	2,281.85	30.85
GT ròng (tỷ đồng)	(1,165.34)	4.40

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.39%	21.0	3.5	0.9%
Công nghiệp	↓ -1.28%	23.1	3.3	12.5%
Dầu khí	↑ 1.87%	20.1	2.2	4.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.03%	-	10.9	2.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.97%	16.9	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.15%	18.9	3.7	7.5%
Ngân hàng	↓ -2.44%	12.5	2.4	25.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.48%	10.3	2.4	16.6%
Tài chính	↓ -0.46%	24.1	3.2	27.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.53%	18.9	2.9	2.1%
VN - Index	↓ -0.88%	17.5	3.2	
HNX - Index	↓ -0.30%	23.4	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ lại giảm mạnh trong phiên đêm qua khi cả ba chỉ số chính đều giảm trên 1,5%. Giá dầu tiếp tục xu hướng tăng mạnh khi dầu WTI đã lên 108,56 USD/thùng, còn dầu Brent lên 110,37 USD/thùng càng làm thổi bùng lên nỗi lo về lạm phát. Tất cả những điều trên đã có tác động tiêu cực đến các thị trường tài chính và thị trường chứng khoán Việt Nam cũng không ngoại lệ. Cụ thể, kết thúc phiên hôm nay, chỉ số VN-Index giảm 13,26 điểm (-0,88%) xuống 1.485,52 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với chỉ 137 mã tăng (13 mã tăng trần), 52 mã tham chiếu, 319 mã giảm (3 mã giảm sàn). Nhóm cổ phiếu ngân hàng bị bán mạnh và đồng loạt giảm sâu, là nguyên nhân chính khiến thị trường điều chỉnh, có thể kể đến MBB (-4,4%), STB (-4,3%), HDB (-4,2%), CTG (-3,9%), BID (-3,7%), VPB (-3,3%), TPB (-3,2%), ACB (-2,8%), TCB (-2,2%)... Bên cạnh đó, một vài cổ phiếu lớn khác cũng điều chỉnh như VRE (-2,1%), PNJ (-1,5%), BVH (-1,3%), MWG (-1,1%)... càng làm cho giao dịch trở nên tiêu cực. Các cổ phiếu chứng khoán cũng hòa chung vào đà giảm với VND (-3,3%), SSI (-2,6%), SHS (-2,7%), VCI (-1,1%), HCM (-2,1%)... Ở chiều ngược lại, việc giá dầu thế giới tiếp tục tăng mạnh tiếp tục là động lực giúp cho các cổ phiếu ngành dầu khí bật tăng trở lại sau phiên giảm nhẹ trước đó, PVS (+6,6%), BSR (+2,9%), PVD (+4%), OIL (+3%), PVC (+9,7%), PSH (+1,6%), PVB (+4,5%)... Bên cạnh đó, nhóm thép cũng mang lại niềm vui cho các nhà đầu tư nắm giữ với NKG (+3,6%), HSG (+1,7%), TLH (+1,5%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhìn chung tình hình giữa Nga và Ukraine sẽ tiếp tục là vấn đề đáng lưu tâm nhất thời điểm hiện tại đối với giới đầu tư. Những động thái theo hướng giảm căng thẳng cũng như leo thang căng thẳng có thể sẽ "lái" thị trường theo hướng mà không ai có thể đoán trước được. Tuy nhiên, nếu theo dõi kỹ thì có thể thấy là thị trường Việt Nam phản ứng khá tốt trước những thông tin tiêu cực ra gần đây khi chỉ điều chỉnh nhẹ và nhanh chóng bật lên phiên sau đó. Điểm đáng lo ngại lúc này là việc nhóm ngân hàng đang có dấu hiệu bị bán tương đối mạnh thể hiện qua việc thanh khoản nhóm này gia tăng mạnh trong phiên hôm nay. Còn các nhóm ngành khác nhìn chung vẫn tương đối ổn. Do đó, trong phiên giao dịch tới, chúng tôi cho rằng VN-Index có thể sẽ biến động giằng co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.450-1.500 điểm để ổn định cung cầu. Những nhà đầu tư đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và đứng ngoài quan sát thị trường.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.500,41 điểm. Từ khoảng 1h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh lên sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.479,55 điểm. Về cuối phiên, cầu bắt đáy tăng giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Kết phiên, VN-Index giảm 13,26 điểm (-0,88%) xuống 1.485,52 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID giảm 1.650 đồng, CTG giảm 1.300 đồng, MBB giảm 1.500 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS tăng 1.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số tăng điểm trong phiên sáng, với mức cao nhất trong phiên chiều, với mức thấp nhất trong phiên tại 440,4 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,31 điểm (-0,3%) xuống 442,25 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 1.700 đồng, SHS giảm 1.200 đồng, CEO giảm 1.800 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS tăng 2.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.165,34 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 26,7 triệu cổ phiếu. HDB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 153,3 tỷ đồng tương ứng với 5,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 130,4 tỷ đồng tương ứng với 2,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DGC là mã được mua ròng nhiều nhất với 22,6 tỷ đồng tương ứng với 139 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 4,9 tỷ đồng. IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 16,5 tỷ đồng tương ứng với 219,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PLC với 4,2 tỷ đồng tương ứng với 89,3 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 15,9 tỷ đồng tương ứng với 465,5 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là áp lực bán ra trong phiên hôm nay là tương đối mạnh. Rất may là cầu bắt đáy vẫn hiện hữu để thu hẹp mức giảm của chỉ số.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh hôm nay (-0,88%) thì chỉ số VN-Index đã đánh mất vùng hỗ trợ trong khoảng 1.490-1.495 điểm (MA20-50). Điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu. Tuy nhiên, tình hình vẫn chưa phải là tiêu cực khi ở bên dưới vẫn có nhiều vùng hỗ trợ tiềm năng khác.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 3/3, VN-Index có thể sẽ biến động giằng co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.450-1.500 điểm để ổn định cung cầu.

Tuy nhiên, nếu có những thông tin tiêu cực diễn ra trong tối và đêm nay khiến áp lực bán gia tăng mạnh thì VN-Index có thể sẽ lùi về vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Doanh thu du lịch tháng 2 gấp 4 lần cùng kỳ 2021

Theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch, trong tháng 2, khách du lịch nội địa ước đạt 9,6 triệu lượt người. Theo báo cáo kinh tế - xã hội tháng 2, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 12,6% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 39,4%.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 66,2 - 67,3 triệu đồng/lượng, tăng 600.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 500.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 2/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.133 VND/USD, giảm 4 đồng so với hôm qua.

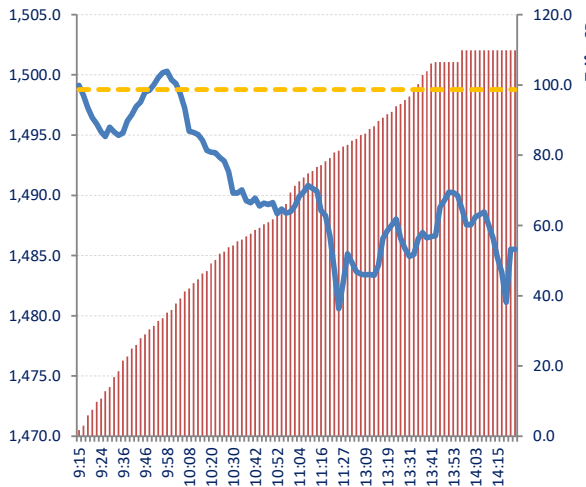
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,8 USD/ounce tương ứng với 0,3% xuống 1.938,2 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,329 điểm tương ứng 0,32% lên 97,727 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1074 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3298 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,17 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 5,29 USD/thùng tương ứng với 5,06% lên 108,63 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/3, Dow Jones giảm 597,65 điểm tương đương 1,76% xuống 33.294, 95 điểm. Nasdaq giảm 218,94 điểm tương đương 1,59% xuống 13.532,46 điểm. Nasdaq Composite giảm 67,68 điểm tương đương 1,55% xuống 4.306,26 điểm.

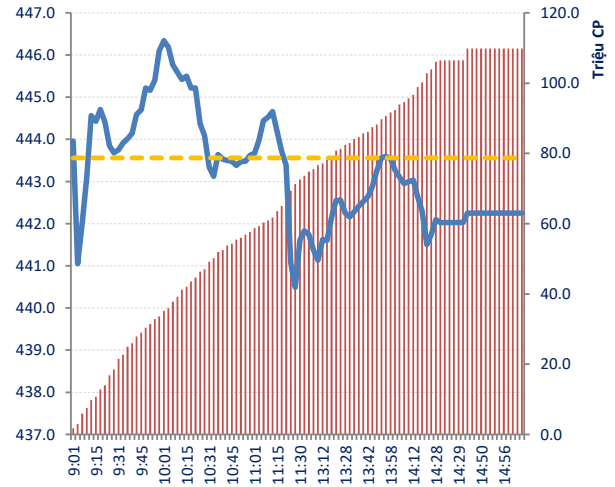


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

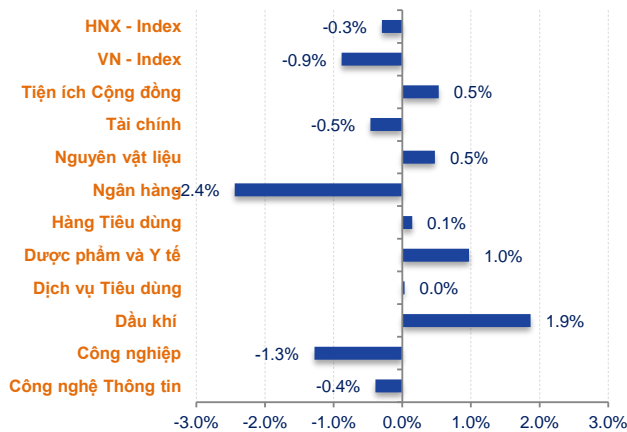
KLGD và VN-Index trong phiên



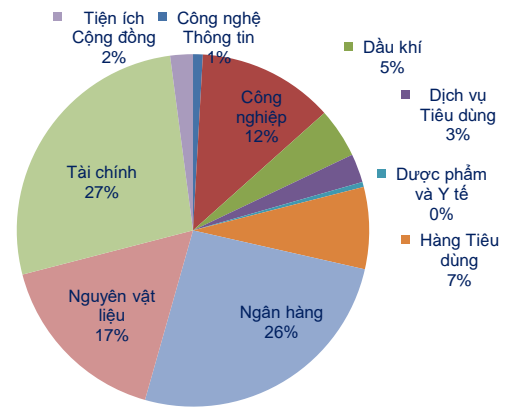
KLGD và HNX-Index trong phiên



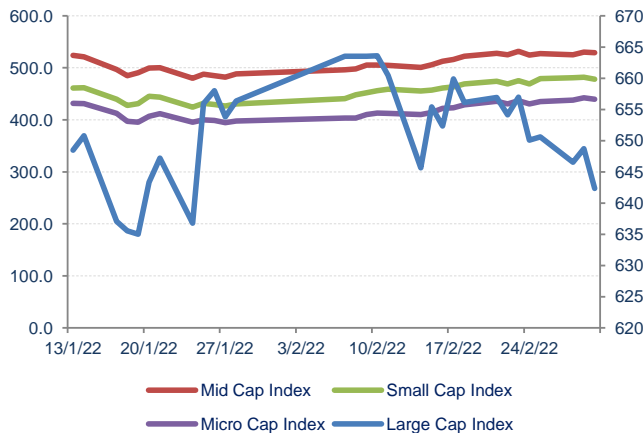
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



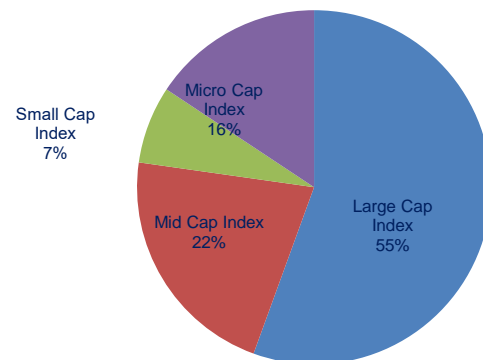
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HNG	897,700	HDB	5,521,000
2	ROS	814,300	CTG	3,230,600
3	PVD	291,900	HPG	2,780,000
4	NKG	185,800	FUEVFNVD	1,744,700
5	DGC	139,100	KBC	1,356,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	219,500	TNG	465,500
2	PLC	89,300	PVI	43,000
3	SCI	56,500	PCG	41,200
4	NDN	51,800	EID	25,600
5	PVS	35,200	HUT	18,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MBB	34.00	32.50	↓ -4.41%	52,261,000
STB	32.65	31.25	↓ -4.29%	45,956,000
VPB	37.75	36.50	↓ -3.31%	29,304,398
HAG	10.95	11.25	↑ 2.74%	23,846,200
GEX	41.10	40.00	↓ -2.68%	22,915,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	35.00	37.30	↑ 6.57%	14,602,713
SHS	44.50	43.30	↓ -2.70%	6,621,208
CEO	71.80	70.00	↓ -2.51%	5,977,069
TVC	22.10	22.80	↑ 3.17%	5,615,831
IDC	74.40	75.50	↑ 1.48%	4,837,877

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PJT	13.60	14.55	0.95	↑ 6.99%
CLW	31.50	33.70	2.20	↑ 6.98%
OGC	10.05	10.75	0.70	↑ 6.97%
SPM	20.90	22.35	1.45	↑ 6.94%
TNC	33.95	36.30	2.35	↑ 6.92%

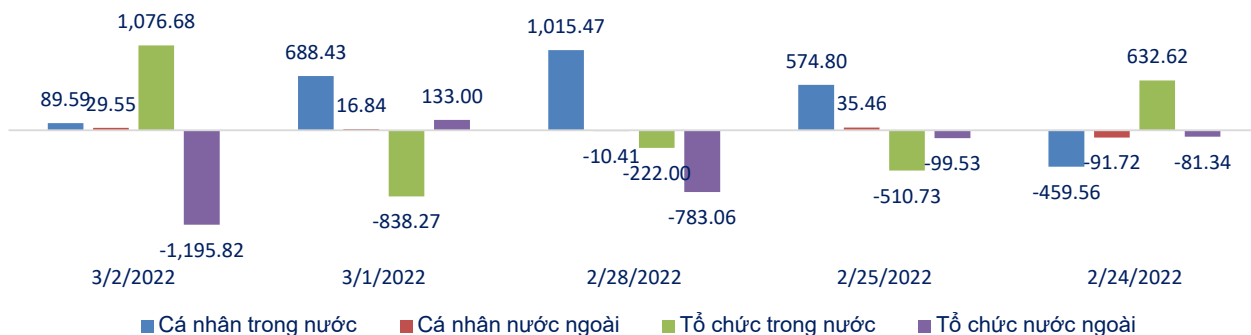
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMT	20.10	22.10	2.00	↑ 9.95%
BST	16.10	17.70	1.60	↑ 9.94%
PDC	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%
POT	18.20	20.00	1.80	↑ 9.89%
HCT	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCP	32.90	30.60	-2.30	↓ -6.99%
VMD	38.85	36.15	-2.70	↓ -6.95%
LGC	53.50	49.80	-3.70	↓ -6.92%
PDN	103.80	96.80	-7.00	↓ -6.74%
CCI	32.00	29.90	-2.10	↓ -6.56%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L43	8.20	7.40	-0.80	↓ -9.76%
HPM	12.80	11.60	-1.20	↓ -9.38%
VIE	9.60	8.90	-0.70	↓ -7.29%
TTT	49.60	46.00	-3.60	↓ -7.26%
L40	33.20	30.80	-2.40	↓ -7.23%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	125.31	21.8%	3,034	9.0	1.8
CTG	85.13	15.7%	2,932	10.9	1.6
KBC	79.15	5.8%	1,587	35.4	2.1
VND	59.38	34.9%	7,476	10.2	3.9
NLG	51.53	10.5%	3,155	17.7	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-131.13	17.0%	2,662	13.7	1.9
ACB	-90.56	23.9%	3,554	9.3	2.0
MBB	-86.07	22.6%	3,361	9.7	2.0
FLC	-62.89	0.7%	119	108.4	0.9
VCB	-46.34	21.3%	4,629	18.4	3.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	9.00	10.8%	1,855	16.8	1.7
ROS	8.29	1.6%	168	48.9	0.8
GAS	7.19	17.1%	4,531	26.3	4.4
HPG	2.44	46.0%	7,708	6.1	2.3
SKG	2.40	-4.6%	(609)	-	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SZL	-2.43	17.7%	5,559	12.6	2.6
DGC	-2.25	45.9%	13,959	11.9	5.5
NLG	-1.99	10.5%	3,155	17.7	1.6
DHG	-1.28	21.1%	5,944	19.9	4.1
DXG	-1.26	10.3%	1,942	22.4	1.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	154.21	17.0%	2,662	13.7	1.9
HPG	94.17	46.0%	7,708	6.1	2.3
ACB	90.56	23.9%	3,554	9.3	2.0
MBB	86.42	22.6%	3,361	9.7	2.0
MSN	86.04	25.4%	7,269	21.6	4.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FDC	-45.88	2.4%	364	68.9	1.6
PLX	-41.88	10.8%	2,258	27.2	2.8
TCB	-23.18	21.5%	5,144	9.6	2.0
DPM	-21.33	32.9%	7,964	7.5	2.2
HSG	-18.65	47.7%	8,931	4.4	1.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	24.85	45.9%	13,959	11.9	5.5
PVD	11.67	0.1%	46	795.5	1.1
VCB	10.97	21.3%	4,629	18.4	3.6
NKG	8.71	50.0%	10,421	4.5	1.8
HNG	8.23	0.7%	51	180.5	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-153.78	21.8%	3,034	9.0	1.8
HPG	-132.86	46.0%	7,708	6.1	2.3
CTG	-105.66	15.7%	2,932	10.9	1.6
KBC	-77.12	5.8%	1,587	35.4	2.1
VIC	-67.28	-1.9%	(717)	-	1.9



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	52,261,000	22.6%	3,361	9.7	2.0
STB	45,956,000	3250.0%	1,855	16.8	1.7
VPB	29,304,398	17.0%	2,662	13.7	1.9
HAG	23,846,200	2.5%	199	56.7	2.2
GEX	22,915,700	7.3%	1,490	26.8	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,602,713	4.7%	1,260	29.6	1.4
SHS	6,621,208	30.1%	5,707	7.6	2.2
CEO	5,977,069	2.7%	362	193.4	5.1
TVC	5,615,831	26.3%	5,456	4.2	1.1
IDC	4,837,877	9.6%	1,508	50.1	4.8

Top Độ biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PJT	↑ 7.0%	8.4%	1,174	12.4	1.0
CLW	↑ 7.0%	12.3%	2,142	15.7	1.9
OGC	↑ 7.0%	11.0%	482	22.3	2.3
SPM	↑ 6.9%	2.6%	1,466	15.2	0.4
TNC	↑ 6.9%	11.7%	2,082	17.4	2.1

Top Độ biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMT	↑ 10.0%	3.2%	404	54.7	1.7
BST	↑ 9.9%	10.7%	1,381	12.8	1.4
PDC	↑ 9.9%	-8.4%	(761)	-	1.9
POT	↑ 9.9%	4.0%	682	29.3	1.2
HCT	↑ 9.8%	1.7%	339	42.7	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	897,700	0.7%	51	180.5	1.2
ROS	814,300	1.6%	168	48.9	0.8
PVD	291,900	0.1%	46	795.5	1.1
NKG	185,800	50.0%	10,421	4.5	1.8
DGC	139,100	45.9%	13,959	11.9	5.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	219,500	9.6%	1,508	50.1	4.8
PLC	89,300	12.0%	1,940	24.1	2.8
SCI	56,500	32.5%	5,344	5.8	1.9
NDN	51,800	23.2%	3,289	5.8	1.3
PVS	35,200	4.7%	1,260	29.6	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	402,264	21.3%	4,629	18.4	3.6
VHM	337,463	35.3%	9,036	8.6	2.6
VIC	300,920	-1.9%	(717)	-	1.9
GAS	228,143	17.1%	4,531	26.3	4.4
BID	214,734	12.7%	2,090	20.3	2.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,270	21.8%	2,805	61.4	9.5
KSF	32,640	9.1%	1,387	78.5	5.5
IDC	22,650	9.6%	1,508	50.1	4.8
CEO	18,014	2.7%	362	193.4	5.1
PVS	17,828	4.7%	1,260	29.6	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGR	4.64	4.7%	566	52.8	2.6
DRH	4.63	1.6%	232	112.3	1.8
NHA	4.58	0.8%	81	763.4	6.1
NBB	4.51	18.2%	4,126	8.1	1.7
DIG	4.39	15.3%	2,210	41.8	6.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.92	7.0%	343	38.5	2.6
VC7	2.76	2.6%	354	67.5	2.2
L14	2.71	39.0%	8,000	47.4	13.5
L18	2.69	6.7%	877	69.5	4.3
CEO	2.68	2.7%	362	193.4	5.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
